

Họ tên:

STT:

Lớp:



Chọn từ thích hợp

(lưu ý viết đúng chính tả, **không** ghi chỉ số trên dưới **ví dụ chỉ ghi 1s22s22p2**)

Môi trường trung tính có pH.....

N_2 thể hiện tính **oxi hóa** khi tác dụng với.....

NH_3 có tính **bazơ** và tính **mạnh**

Môi trường axit có pH.....

Chất điện li là chất khi tan trong nước hoặc ở trạng thái nóng chảy phân li ra

Phương trình ion rút gọn: cho biết phản ứng trong dung dịch chất điện li.

pH càng nhỏ thì độ axit càng

Cấu hình electron của N:

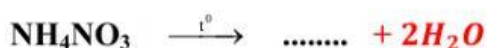
nitơ **trơ** về mặt hóa học vì có.....

N_2 thể hiện tính **oxi hóa** khi tác dụng với.....

Theo a-rê-ni-ut: Axit là chất khi tan trong nước phân li ra

Bazơ là chất khi tan trong nước phân li ra

$Zn(OH)_2$, $Al(OH)_3$ gọi là hiđroxit



Điều chế **HNO_3** Trong phòng thí nghiệm từ.....

- Muối axit là muối mà anion gốc axit vẫn còn **H** có khả năng phân li ra ion

$$[H^+] = 10^{-a} \rightarrow pH = \dots\dots$$

Muối nitrat của các kim loại hoạt động mạnh (trước Mg) bị phân huỷ thành

HNO_3 có tính **AXIT** và tính



3 Kim loại bị **thụ động** hoá trong dung dịch HNO_3 đặc, nguội là

Muối nitrat của kim loại từ Mg $\rightarrow$ Cu bị phân huỷ

Điều kiện để xảy ra phản ứng trao đổi: các ion kết hợp được với nhau tạo thành chất **kết tủa** hoặc chất hoặc chất điện li

Muối nitrat của kim loại kém hoạt động (sau Cu) bị phân huỷ thành

Chất điện li mạnh: phân li thành ion, mũi tên chiều

H_2S , H_2CO_3 , H_3PO_4 , HF , H_2SO_3 , CH_3COOH , $HClO$ là các chất điện li

Tất cả muối amoni và muối nitrat **đều** trong nước và **điện li** thành ion.

Nối 2 cột phù hợp

$NaHCO_3$	Muối axit
$Al(NO_3)_3$	Muối trung hòa
Khí NH_3	Môi trường axit
$[H^+] = 10^{-9}$	Môi trường kiềm
NH_4HCO_3	Hidroxit lưỡng tính
$Al(OH)_3$	Bột nở
$[H^+] = 10^{-4}$	Làm xanh quì tím ẩm